TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Bà Trần Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân N**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Dương Thị Thúy H** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** - Chức vụ: Giám đốc (văn bản ủy quyền số 062022/UQ/QTDNDNT ngày 17/10/2022).

Địa chỉ: đường Tôn Đức Thắng, ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981.

Chị **Võ Thị Hoàng L**, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Ấp 3 (B), xã P, huyện N, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đ.

(Ông H xin vắng mặt, anh T và chị L vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân N có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Vào ngày 05/5/2018, Quỹ tín dụng nhân dân N cùng anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Hoàng L có ký hợp đồng tín dụng số 7058/HĐTD với nội dung: Quỹ tín dụng nhân dân N cho anh T, chị L vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), phương thức vay góp định kỳ 06 tháng, mục đích vay để sửa nhà, thời hạn vay 18 tháng (từ ngày 25/5/2018 đến ngày 25/11/2019), lãi suất 1,4%/tháng (lãi suất cho vay theo thị trường, được điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước và Quỹ tín dụng nhân dân N), tiền lãi trả định kỳ 06 tháng một lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Trường hợp anh T, chị L không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định thì phải trả lãi chậm trả theo mức 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kế hoạch trả nợ: số tiền nợ gốc được trả thành 3 kỳ hạn vào các ngày: 25/11/2018; 25/5/2019; 25/11/2019. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Ngày 25/5/2028 anh T, chị L đã ký giấy nhận nợ và trực tiếp nhận số tiền vay 20.000.000 đồng.

Kể từ khi vay tiền cho đến ngày 04/10/2022 thì anh T, chị L mới chỉ trả được 11.628.000 đồng nợ gốc và 2.520.000 đồng nợ lãi. Quỹ tín dụng nhân dân N đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị L trả hết số nợ còn lại nhưng anh chị không thực hiện.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân N yêu cầu anh T, chị L phải trả số nợ gốc 8.372.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn 8.577.000 đồng (tổng cộng là 19.459.000 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính trên số dư nợ gốc từ ngày 31/5/2023 cho đến ngày anh T, chị L trả hết nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân N.

Ngày 29/5/2023, ông Hiền cung cấp bản tường trình về việc tính lãi đến hết ngày 30/5/2023 và có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Võ Thị Hoàng L đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có lời khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Ngày 05/5/2018 Quỹ tín dụng nhân dân N ký hợp đồng tín dụng số 7058/HĐTD với anh T, chị L có nội dung: Quỹ tín dụng nhân dân N cho anh T, chị L vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng (từ ngày 25/8/2018 đến ngày 25/11/2019), mục đích vay để sửa nhà, lãi suất

1,4%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Sau khi vay tiền cho đến nay, anh T và chị L thanh toán được 14.148.000 đồng (trong đó: tiền gốc 11.628.000 đồng, tiền lãi 2.520.000 đồng). Nay Quỹ tín dụng nhân dân N yêu cầu anh T, chị L phải trả nợ gốc 8.372.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính trên số dư nợ gốc từ ngày 31/5/2023 cho đến ngày anh T, chị L trả hết nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân N. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng tín dụng số 7058/HĐTD ngày 05/5/2018 nên căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Hoàng L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Quỹ tín dụng nhân dân N khởi kiện yêu cầu anh T, chị L phải trả nợ trong hợp đồng tín dụng, hiện anh T và chị L thường trú tại ấp 3 (B), xã P, huyện N nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân N, bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Hoàng L. Quỹ tín dụng nhân dân N có văn bản ủy quyền số 062022/UQ/QTDNDNT ngày 17/10/2022 cho ông Nguyễn Văn H nên căn cứ Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng số 7058/HĐTD ngày 05/5/2018 thì Quỹ tín dụng nhân dân N cho anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Hoàng L vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1,4%/tháng, thời hạn vay 18 tháng (từ ngày 25/5/2018 đến ngày 25/11/2019), mục đích vay: sửa nhà, thỏa thuận trả góp mỗi 06 tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp. Ngày 25/5/2018 anh T, chị L đã ký giấy nhận nợ và trực tiếp nhận số tiền 20.000.000 đồng.

Quỹ tín dụng khai sau khi nhận tiền vay thì anh T, chị L chỉ trả được tổng cộng 14.148.000 đồng gốc và lãi (trong đó: 11.628.000 đồng nợ gốc; 2.520.000 đồng nợ lãi) rồi ngưng không trả nợ tiếp. Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu anh T, chị L cung cấp ý kiến và chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ, nhưng anh T và chị L không có ý kiến phản hồi. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H - đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời xuất trình bản tường trình tính nợ gốc và lãi yêu cầu anh T, chị L phải trả cho Quỹ tín dụng tổng số nợ 19.469.000 đồng, (trong đó nợ gốc: 8.372.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/5/2023 là 8.577.000 đồng).

Xét thấy số tiền lãi nêu trên được tính trên cơ sở thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, các quy định pháp luật về lãi suất.

- Theo hợp đồng tín dụng trên thì thời hạn vay từ ngày 25/5/2018 đến ngày 25/11/2019, nhưng đến nay anh T và chị L vẫn chưa trả nợ xong là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân N, buộc anh T, chị L cùng liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N toàn bộ số tiền trên là phù hợp pháp luật.

- Ngoài số tiền phải thanh toán nói trên thì anh Nguyễn Văn T, chị Võ Thị Hoàng L còn phải chịu khoản lãi phát sinh kể từ ngày 31/5/2023 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 7058/HĐTD ngày 05/5/2018 tính trên số dư nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Quỹ tín dụng nhân dân N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh T, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch 19.459.000 đồng).

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 68, 147, 157, 161, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với anh Nguyễn Văn T, chị Võ Thị Hoàng L.

Xử: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Võ Thị Hoàng L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N tổng số tiền 19.459.000 đồng (trong đó nợ gốc 8.372.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn 8.577.000 đồng).

Ngoài số tiền phải thanh toán nói trên thì anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Hoàng L còn phải chịu khoản lãi phát sinh kể từ ngày 31/5/2023 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 7058/HĐTD ngày 05/5/2018 tính trên số dư nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí:

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009726 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ.

Anh Nguyễn Văn T, chị Võ Thị Hoàng L phải chịu 973.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai